TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 297/2019/DS-PT
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1968;

2. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1968;

3. Anh Huỳnh Hải B, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông U, bà T, anh B: Ông Phan Văn H, sinh năm 1958 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2019);

Địa chỉ: Tổ H, Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người kháng cáo:*** Các bị đơn ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T, anh Huỳnh Hải B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 26/10/2017 bà với ông U, bà T có lập giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nội dung: Ông U và bà T chuyển nhượng cho bà thửa đất số 192, diện tích 57,3m^2; trên đất có một căn nhà nóc thái, có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tôn, nền gạch với giá 240.000.000 đồng. Bà đã giao cho ông U và bà T 200.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng thì nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B giải chấp kê biên thửa đất để lập thủ tục sang tên chuyển quyền.

Khi hai bên xác lập giao dịch, vợ chồng ông U và bà T chỉ căn nhà ông bà đang ở để giao dịch là tài sản bán cho bà, đồng thời bà cũng có hỏi Ủy ban nhân dân xã H thì xác định tại thời điểm tháng 10/2017 ông U và bà T chỉ đứng tên duy nhất một thửa đất nêu trên.

Sau khi lập thủ tục sang tên chuyển quyền xong, bà kiểm tra mới biết thửa đất mà ông U và bà T chuyển nhượng cho bà không có căn nhà như thỏa thuận tại biên nhận nhận tiền chuyển nhượng thửa đất.

Do đó, bà yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên; yêu cầu ông U, bà T, anh B phải trả lại cho bà 240.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày bà giao tiền chuyển nhượng thửa đất nêu trên đến nay. Bà tự nguyện sang tên chuyển quyền thửa đất trên trả lại cho ông U và bà T khi bà nhận đủ tiền.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn – ông Phan Văn H trình bày:

Ông U và bà T có vay của bà C 200.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh là có vay của bà C 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lập thủ tục sang tên chuyển quyền thửa đất số 192, tờ bản đồ số 22, diện tích 57,3m^2 đất ở tại ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang cho bà C để làm tin vì diện tích đất này đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang kê biên. Sau khi vay, ông U và bà T trả lãi được 08 tháng thì ngưng. Lúc này, bà C yêu cầu lập thủ tục sang tên chuyển quyền thửa đất nói trên và bà C có nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B 40.000.000 đồng để giải chấp kê biên thửa đất, lấy giấy tờ đất ra để làm thủ tục sang tên.

Nay ông U và bà T chấp nhận giao thửa đất trên để trừ 200.000.000 đồng nợ; tiếp tục trả cho bà C 40.000.000 đồng mà bà C giải chấp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Riêng anh B xác định không liên quan đến giao dịch mua bán giữa ông U, bà T với bà C nên không đồng ý theo yêu cầu của bà C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500 và Điều 501 Bộ luật Dân sự; các điều 288, 430, 431, 434, 437, 439 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị C đối với phía bị đơn ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T và anh Huỳnh Hải B sang tên chuyển quyền thửa đất có căn nhà nóc thái cho bà C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T và anh Huỳnh Hải B liên đới trả cho bà C số tiền 240.000.000 đồng tiền mua bán thửa đất số 192, diện tích 57,3m^2 và 38.788.500 đồng lãi suất phát sinh; tổng cộng là 278.788.500 (hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Thời gian trả: Trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà C sang tên chuyển quyền thửa đất số 192, diện tích 57,3m^2, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08128 ngày 09/8/2017. Thửa đất có địa chỉ tại Ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Trả cho ông U và bà T.

Thời gian thực hiện: Sau khi ông U, bà T và anh B trả hết tiền cho bà C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/7/2019, các bị đơn ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T, anh Huỳnh Hải B có đơn kháng cáo (đề ngày 18/7/2019) với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn U và bà Hồ Thị T trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và giao thửa đất nêu trên cho bà C để cấn trừ số nợ 200.000.000 đồng đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Phan Văn H thừa nhận theo biên nhận nhận tiền chuyển nhượng đất được lập vào ngày 26/10/2017, thì phía vợ chồng ông U và bà T đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất thửa 192; tờ bản đồ 22; diện tích đất 57,3m^2 ở tại Ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang, trên thửa đất này có 01 căn nhà nóc thái, vách tường, mái tôn kiên cố, nhưng thực tế hiện nay trên phần diện tích đất thửa số 192; tờ bản đồ 22; diện tích đất 57,3m^2 không có căn nhà này. Diện tích đất có căn nhà nóc thái lại thuộc thửa số

329; tờ bản đố số 22; diện tích 705,1m^2, diện tích đất này được tách từ thửa đất số 192; tờ bản đồ 22 do ông U và bà T đã tặng cho anh B vào ngày 02/10/2017, hiện anh B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi bà C yêu cầu giao nhà đất theo Hợp đồng chuyển nhượng, bà C thấy không có căn nhà nêu trên nên không nhận đất mà khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu ông U, bà T, anh B trả lại cho bà 240.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày bà giao tiền mua thửa đất nêu trên đến nay. Bà tự nguyện sang tên chuyển quyền thửa đất trên trả lại cho ông U và bà T khi bà nhận đủ tiền.

- Bị đơn ông U, bà T, anh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, nên các bị đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như sơ thẩm phía bị đơn đều thừa nhận khi hai bên thực hiện việc chuyển nhượng đất thì bị đơn có thông báo cho nguyên đơn biết trên phần diện tích đất chuyển nhượng có 01 căn nhà nóc thái, vách tường, mái tôn kiên cố nên phía nguyên đơn mới mua với giá là 240.000.000 đồng. Nay các bị đơn đồng ý giao đất cho nguyên đơn thì phần diện tích đất mà hai bên chuyển nhượng lại không có căn nhà nóc thái, vách tường, mái tôn kiên cố. Như vậy là các bị đơn đã cố tình cung cấp thông tin thửa đất sai sự thật. Hiện căn nhà nói trên lại nằm tại thửa đất 329; tờ bản đố số 22; diện tích 705,1m^2 và anh B đang là người trực tiếp quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy chính các bị đơn là người có lỗi đã lừa dối bà C để bà C xác lập giao dịch, do đó chính các bị đơn là người có lỗi làm cho giao dịch giữa hai bên bị vô hiệu. Giao dịch giữa hai bên bị vô hiệu thì các bên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, bên nào có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại. Án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng**:** Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là quan hệ tranh chấp về "Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất" là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 192; tờ bản đồ 22; diện tích đất 57,3m^2; buộc ông U, bà T, anh B trả lại cho bà số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 240.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày bà giao tiền chuyển nhượng thửa đất nêu trên đến nay. Bà tự nguyện sang tên chuyển quyền thửa đất trên trả lại cho ông U, bà T, anh B khi bà nhận đủ tiền.

- Bị đơn ông U, bà T, anh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, đồng ý giao lại diện tích đất thửa 192; tờ bản đồ 22; diện tích đất 57,3m^2 để cấn trừ số tiền vay nợ là 200.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng tiền bà C nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B tỉnh Tiền Giang để giải chấp thì xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T, anh Huỳnh Hải B: Theo biên nhận nhận tiền chuyển nhượng đất lập vào ngày 26/10/2017, vợ chồng ông U và bà T, anh B thống nhất chuyển nhượng cho bà C thửa đất số 192; tờ bản đồ số 22; diện tích 57,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Trên phần diện tích đất chuyển nhượng có 01 căn nhà nóc thái, vách tường, mái tôn kiên cố. Từ chỗ vợ chồng ông U và bà T cung cấp thông tin về thửa đất như vậy thì bà C mới mua với giá chuyển nhượng là 240.000.000 đồng và đã giao đủ tiền chuyển nhượng đất cho ông U và bà T, anh B. Khi bà C yêu cầu vợ chồng ông U, bà T và anh B giao đất và nhà cho bà C theo như thỏa thuận thì bà C mới biết được diện tích đất chuyển nhượng cho bà không có căn nhà nóc thái, vách tường, mái tôn kiên cố, mà căn nhà nói trên lại nằm ở thửa đất số 329; tờ bản đồ số 22; diện tích 705,1m^2 và anh B đang là người trực tiếp quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy vợ chồng ông U và bà T, anh B chính là người có lỗi đã cung cấp thông tin thửa đất và tài sản trên đất không đúng hiện trạng thực tế, điều này cho thấy ông U, bà T và anh B đã lừa dối bà C, làm cho bà C hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng và nội dung của giao dịch, nên đã xác lập giao dịch. Chính phía ông U, bà T và anh B là người có lỗi làm cho giao dịch dân sự đã được xác lập giữa hai bên trở nên vô hiệu. Ông U, bà T và anh B là người trực tiếp làm cho hợp đồng trở nên vô hiệu. Do giao dịch dân sự giữa các bên bị vô

hiệu, nên các bên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận và bên nào có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại.

Như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy căn cứ vào Điều 127 và Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông U, bà T, anh B trả lại cho bà C số tiền chuyển nhượng đất là 240.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày bà C giao đủ tiền chuyển nhượng thửa đất nêu trên đến nay. Bà C tự nguyện sang tên chuyển quyền thửa đất trên trả lại cho ông U, bà T và anh B khi bà nhận đủ tiền là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ đúng pháp luật.

Căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án này là phải áp dụng Điều 127 và Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 430, 431, 434, 437, 439 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Xét thấy các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C; ghi nhận sự tự nguyện của ông U và bà T giao phần diện tích đất thửa 192, tờ bản đồ 22, diện tích đất 57,3m^2 cho bà C để cấn trừ số nợ 200.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng, xin trả dần hàng tháng là 5.000.000 đồng. Các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U, bà T và anh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông U, bà T, anh B phải liên đới chịu 13.939.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà C 6.125.000 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu số 10129 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông U, bà T, anh B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông U, bà T, anh B mỗi người đã tạm nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002099; số 0002100; số 0002098 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như ông U, bà T, anh B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 127, 131, 357, 500 và Điều 501 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, về việc yêu cầu phía bị đơn ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T và anh Huỳnh Hải B sang tên chuyển quyền thửa đất có căn nhà nóc thái cho bà C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc ông Huỳnh Văn U, bà Hồ Thị T và anh Huỳnh Hải B phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 240.000.000 đồng tiền chuyển nhượng thửa đất số 192, tờ bản đồ số 22, diện tích 57,3m^2 và 38.788.500 đồng lãi suất phát sinh; tổng cộng hai khoản là 278.788.500 (hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn năm trăm) đồng, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C sang tên, chuyển quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 22, diện tích 57,3m^2 ở địa chỉ ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang, bà C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08128 ngày 09/8/2017, sang cho ông Huỳnh Văn U, bà T và anh B đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất nói trên. Buộc bà C phải thực hiện yêu cầu này khi bà C đã nhận đủ tiền. Mọi chi phí chuyển quyền bà C tự nguyện chịu hết.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông U, bà T, anh B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông U, bà T, anh B phải liên đới chịu 13.939.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà C 6.125.000 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu số 10129 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông U, bà T, anh B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông U, bà T, anh B mỗi người đã tạm nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002099; số 0002100; số 0002098 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như ông U, bà T, anh B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án thoe Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành án kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hằng